

Bản án số: 19/2026/DS- ST  
Ngày: 21/4/2026  
*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Lê Thị Ngọc Phượng và ông Nguyễn Thanh Phúc.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký TAND khu vực 7 – Quảng Ngãi.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-DS ngày 13/3/2026, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B - B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh T;

Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K (Văn bản ủy quyền đề ngày 25/3/2026). Có mặt.

Địa chỉ: Số C T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A đường T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025, Lờ khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/3/2024, bà Nguyễn Thị Tuyết H có ký kết với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh K Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ( Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sở

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị Tuyết H, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K cấp hạn mức tín dụng số tiền là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất 2,77%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.656.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 8.781.054 đồng; chưa trả được tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận giữa hai bên. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H phải trả số tiền tính đến ngày 21/4/2026 tổng cộng là 29.851.538 đồng (Hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 21.978.715 đồng, lãi quá hạn là 7.872.823 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh cho đến khi bà Nguyễn Thị Tuyết H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Về án phí: Yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng do bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H cư trú tại số A đường T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở

ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025), Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 15/3/2024, bà Nguyễn Thị Tuyết H có ký kết với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh K Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ( Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị Tuyết H, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K cấp hạn mức tín dụng số tiền là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất 2,77%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng thể hiện ý chí của các các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại 102 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 117, Điều 385, Điều 463 Bộ luật dân sự, nên Hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.656.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 8.781.054 đồng. Bà H chưa trả được tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận giữa hai bên, nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các Điều 280 và 466 Bộ luật Dân sự.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 21/4/2026 tổng cộng 29.851.538 đồng ( Hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 21.978.715 đồng, lãi quá hạn là 7.872.823 đồng và bà Nguyễn Thị Tuyết H tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 22/4/2026 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng có căn cứ pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ( Sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 385, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Tuyết H** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tính đến ngày 21/4/2026 tổng cộng là 29.851.538 đồng (*Hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng*). Trong đó, nợ gốc là 21.978.715 đồng, lãi quá hạn là 7.872.823 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà **Nguyễn Thị Tuyết H** phải chịu 1.492.576 đồng (*Một triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**Ngân hàng TMCP S** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 521.089 đồng (*Năm trăm hai mươi một nghìn, không trăm tám mươi chín đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002238 ngày 11/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Quảng Ngãi.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*ngày 21 tháng 4 năm 2026*) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 7 –Quảng Ngãi;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị Hương**